TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/DS-ST
Ngày:30/6/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà M, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông B, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

Bà T, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/10/2021, đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện ngày 28/12/2021 và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Ngày 29/9/2020, bà M vay của bà H số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 10/01/2021, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng. Hợp đồng vay tiền bà M ký và viết họ tên tại mục bên vay. Ngày 17/12/2020 bà M thanh toán số tiền 50.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại 120.000.000 đồng và sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà khởi kiện và yêu cầu bà M phải thanh toán 120.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự của số tiền gốc 170.000.000 đồng và 120.000.000 đồng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/12/2021, bà M trả số tiền 20.000.000 đồng, nên ngày 28/12/2021 bà H có đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bà M phải thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền 170.000.000 đồng tính từ ngày 29/9/2020 đến ngày 17/12/2020, số tiền lãi của 120.000.000 đồng tính từ ngày 18/12/2020 đến 26/12/2021 và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 27/12/2020 tạm tính đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất 10%/năm. Việc vay tiền chỉ có bà M và bà H thỏa thuận giao dịch và ký xác nhận nên bà H khởi kiện và yêu cầu một mình bà M trả nợ, bà H không yêu cầu ông B (chồng bà M) trả nợ.

Ngày 26/12/2021, bà M trả số tiền 20.000.000 đồng, người nhận số tiền này là bà T, mẹ đẻ của bà H, bà H đã nhận đủ số tiền này từ bà Dung.

Theo bản tự khai của bị đơn bà M trình giải: Ngày 29/9/2020 bàM có vay của bà H số tiền 120.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày (6%/tháng), khi vay có ký hợp đồng vay tiền. Bà M đã trả tiền: lần đầu trả 20.000.000 đồng; lần thứ hai trả 3.000.000 đồng, nhưng không nhớ ngày tháng trả; ngày 17/12/2020 trả 50.000.000 đòng; ngày 26/12/2021 trả thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền bà M đã trả 93.000.000 đồng. Bà T là mẹ bà H nhận thay vào ngày 26/12/2021 với số tiền 20.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc còn lại và tiền lãi thì bà M đồng ý trả cho bà H, về lãi suất đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật. Bà có thế chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không nhớ số thửa, số tờ bản đồ. Bà M có cung cấp 01 giấy trả tiền ngày 17/12/2020 số tiền 50.000.000 đồng và 01 giấy trả tiền ngày 26/12/2021 số tiền 20.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B và bà M để tham gia tố tụng nhưng ông Bộ và bà M vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bà T trình bày: ngày 26/12/2021 bà có nhận thay bà H số tiền 20.000.000 đồng do bà M trả nợ. Bà đã giao lại cho bà H đủ số tiền trên.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Tuy nhiên, bà M và ông B không chấp hành theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H. Buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H 100.000.000 đồng còn nợ lại và tiền lãi kể từ ngày vay và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà M chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà H, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Điều 429 của Bộ luật Dân sự quy định thời hiệu để yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Giấy vay tiền ngày 29/9/2020, thời hạn trả tiền ngày 10/01/2021. Ngày 19/11/2021, bà H nộp đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Bị đơn bà M có đăng ký hộ khẩu thường tại thôn B, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông B đã được tống đạt trực tiếp và được niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà M và ông Bộ là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M và ông B vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan

điểm để phán bác lại yêu cầu của bà H. Theo khoản 2 và 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự:

…

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy, bà M và ông B phải chịu hậu quả về việc không có văn bản phản bác lại quan điểm của nguyên đơn, đồng thời cũng không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu bà M trả nợ tiền gốc còn nợ lại 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), theo giấy vay tiền ngày 29/9/2020, giấy vay tiền có chữ ký của bà M bên vay tiền. Giấy vay tiền ngày 29/9/2020, bà M vay của bà H tổng số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay (ngày trả là ngày 10/01/2021), khi đến hạn bà M đã trả được 20.000.000 đồng vào ngày 26/12/2021 và 50.000.000 đồng vào ngày 17/12/2020, bàM còn nợ lại số tiền gốc 100.000.000 đồng.

[4] Bà M cam kết đến ngày 10/01/2021 thanh toán tiền nhưng không thực hiện đúng cam kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, bàM không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H là vi phạm thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ trả tiền. Khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự quy định *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…."*.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, cần công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà M theo giấy vay tiền ngày 29/9/2020. Về cơ bản nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản nói riêng và hợp đồng dân sự nói chung. Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền: Bà H và bà M cũng thừa nhận, bà M đã thanh toán được 20.000.000 đồng vào ngày 26/12/2021 và 50.000.000 đồng vào ngày 17/12/2020, hai lần trả tiền này bàM đã cung cấp giấy tờ về việc trả nợ và nguyên đơn thừa nhận. Ngoài ra, bà M khai đã trả thêm được 1 lần 20.000.000 đồng

và 1 lần 3.000.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng nhưng trong quá trình giải quyết bà M không cung cấp dược tài liệu và chứng cứ để chứng minh.

[7] Do bà M không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản đối của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp pháp, việc bà M mới chỉ thanh toán được 70.000.000 đồng tiền gốc, chưa thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc là đúng, phù hợp với chứng cứ với giấy trả tiền do bị đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H 100.000.000 đồng tiền gốc còn nợ là phù hợp.

[8] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự xác định đây là khoản vay có lãi nhưng không thống nhất được với nhau về mức lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất. Do không thỏa thuận được mức lãi suất, nên lãi suất được xác định theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Buộc bà M phải thanh toán tiền lãi:

+ Tiền lãi của 170.000.000đ tiền gốc tính từ ngày 29/9/2020 đến 17/12/2020 là : 2 tháng 18 ngày x 10%/năm x 170.000.000 đồng = 3.682.000 đồng.

+Tiền lãi của 120.000.000 đồng tiền gốc tính từ ngày 18/12/2020 đến 26/12/2021 là: 12 tháng 8 ngày x 10%/năm x 120.000.000 đồng = 12.263.000 đồng.

+ Tiền lãi của 100.000.000 đồng tiền gốc tính từ 27/12/2021 tính đến ngày xét xử 30/6/2022 là 6 tháng 3 ngày x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 5.083.333 đồng

Tổng cộng: 21.028.333 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

Dân sự cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận

[9] Đối với ông B: Bà H xác định ông B không tham gia thỏa thuận vay tiền, trong giấy vay tiền không có đề cập đến việc ông B vay tiền, nên bà H không yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp. Đối với ông T là người nhận trực tiếp số tiền 20.000.000 đồng từ bà M để trả cho bà H, bà Dung đã giao lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà H và H cũng thừa nhận (giấy vay tiền ngày 26/12/2021)

[10] Đối với ý kiến của bà M khai có thế chấp cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không nhớ được số thửa và số tờ bản đồ, bà M không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà M không có đơn yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[12] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 278, 280, 351 352, 353, 357, 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà M.

2. Buộc bà M phải thanh toán cho bà H 121.028.333 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền gốc, 21.028.333 đồng (hai mươi mốt triệu không trăm hai mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền lãi.

3. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự và thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: M phải nộp 2.556.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà H 1.342.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000588 ngày 25/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THADS huyện ĐắkMil;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy